

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HS-ST

Ngày: 28-11-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoà.

Ông Nguyễn Văn Độ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình
Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-
HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số**
118/2023/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại
phiên tòa số 05/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị L, sinh năm 1986 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
không có; nơi ở hiện tại: nhà T, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình
Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Khmer; giới tính:
Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: không có quốc tịch; con ông Lê Văn K và bà Trần
Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. La Văn N, sinh năm 1989 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
không có; nơi ở hiện tại: nhà T, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình
Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Khmer; giới tính:
Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: không có quốc tịch; con ông La Văn H (đã chết)
và bà Phạm Thị T1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1978 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh dịch vụ in ấn, photocopy; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Đ1 (đã chết) và bà Phạm Thị T2; có vợ Nguyễn Thị P và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

La Văn N và Lê Thị L là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai sinh ra và lớn lên tại Campuchia, không có giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân, lai lịch và không có nơi đăng ký thường trú. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay, N và L thuê phòng trọ tại nhà trọ Q ở đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Vào tháng 11 năm 2021, một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà trọ Quang V, giới thiệu với N và L là có dịch vụ làm giấy chứng minh nhân dân giả với số tiền 650.000 đồng/chứng minh nhân dân. Nghe vậy, L và N đã cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh cho người đàn ông trên để đặt làm giấy chứng minh nhân dân với mục đích sử dụng để xin việc làm. Khoảng 03 ngày sau, người đàn ông trên đến phòng trọ của L và N giao 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân giả, mang tên Lê Thị L và La Văn N, sau khi nhận 02 giấy chứng minh giả, N và L đã trả tiền mặt cho người đàn ông trên với tổng số tiền là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Khoảng 09 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Lê Thị L đến tiệm photocopy trên đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương do Đ làm chủ để photo giấy chứng minh nhân dân. Tại đây, L nói với Đ rằng mình là người dân sống ở biên hồ Campuchia nên không có giấy tờ tùy thân. Vì vậy, L nhờ Đ làm giả 01 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, với mục đích đi xin việc làm thì Đ đồng ý làm với giá tiền là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Sau đó, Đ yêu cầu L cung cấp thông tin cá nhân (họ tên, năm sinh, quê quán, hộ khẩu thường trú, họ tên của cha, mẹ, chồng...) cho Đ ghi lại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L trở lại tiệm photocopy của Đ, tại đây Đ đưa L 01 (một) giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, họ và tên: Lê Thị L. Sau khi nhận giấy, L trả cho Đ số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) rồi đi về nhà trọ. Khi về đến nhà trọ, L kể lại sự việc trên cho La Văn N biết.

Vào khoảng 09 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2022, N đến tiệm photocopy của Đ. Tại đây, N nhờ Đ làm giả 01 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với mục đích đi xin việc làm thì Đ nhận lời làm với giá tiền là 100.000 đồng. Non đọc thông tin cá nhân (họ tên, năm sinh, quê quán, hộ khẩu thường trú, họ tên của cha, mẹ, vợ...) cho Đ ghi lại. Khoảng 17 giờ cùng ngày, N đến tiệm photocopy gặp Đ, tại đây Đ đưa cho N 01 (một) giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, họ và tên: La Văn N. Non nhận giấy và trả tiền mặt cho Đ số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) rồi đi về nhà trọ.

Ngày 05 tháng 11 năm 2022, N và L mang 02 giấy chứng minh nhân dân và 02 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện B để làm căn cước công dân. Trong khi làm, Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện B nghi ngờ 02 giấy chứng minh nhân dân và 02 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên là giả nên đã phối hợp với Công an thị trấn L mời N và L về trụ sở làm việc. Tại đây, bị can N và L tường trình lại toàn bộ diễn biến sự việc như trên. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành mời Đ lên làm việc.

Quá trình điều tra Đ khai nhận là người trực tiếp làm giả 02 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên với phương thức như sau: Đ sử dụng bộ máy vi tính gồm: 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu, 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri V1Y2553, 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu BOSSTON, 01 (một) con chuột, nhãn hiệu B100 thiết kế phôi mẫu thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng phần mềm WORD theo thông tin cá nhân của La Văn N và Lê Thị L. Sau đó, Đ sử dụng máy photocopy nhãn hiệu RICOH MP5002 để in phôi mẫu thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ra giấy khổ A4. Đ ký lên phôi mẫu thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên. Tiếp đó, Đ sử dụng phần mềm COREL DRAW thiết kế hình dấu tròn có nội dung "*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*" và dòng chữ "Trung tá: Đoàn Văn C" rồi sử dụng máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50 in ra bìa nhựa. Sau đó, in hình dấu tròn có nội dung "*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*" và dòng chữ "Trung tá: Đoàn Văn C" trên bìa nhựa lên mẫu thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo thông tin trên. Ngoài ra, Đ khai nhận cách thức làm giả giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là do Đ xem trên mạng internet rồi học và làm theo. Quá trình làm giả 02 giấy thông báo

định danh cá nhân và hình dấu tròn có nội dung"*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*" được Đ lưu trữ vào 01 USB nhãn hiệu SANDISK dung lượng 8GB và 01 thùng CPU.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo L và N đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; hành vi của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản bàn giao hồ sơ ngày 05 tháng 11 năm 2022 vật chứng thu giữ gồm:

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011236, họ tên: La Văn N, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Công an tỉnh T cấp ngày 12 tháng 4 năm 2018.

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011306, họ tên: Lê Thị L, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh Công an tỉnh T cấp ngày 26 tháng 5 năm 2018.

01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên La Văn N, có hình dấu tròn có nội dung "*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*".

01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên Lê Thị L, có hình dấu tròn có nội dung "*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*".

Tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 06 tháng 11 năm 2022, vật chứng bị cáo Đ đã giao nộp gồm:

01 bản sao căn cước công dân mang tên Nguyễn Quốc Đ; 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu; 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553; 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON; 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100; 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002; 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50; 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB; 01 (một) tấm bìa nhựa, kích thước A4.

Tại Kết luận giám định số 490/KL-KTHS(TL) ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

02 (hai) giấy chứng minh nhân dân số: 292011236, 292011306 mang tên La Văn N và Lê Thị L là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Hình dấu tròn có nội dung "*CÔNG AN XÃ TÂN THÀNH * CÔNG AN .H. TÂN CHÂU .T. TÂY NINH" trên 02 (hai) giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại Bản kết luận giám định số 92/KTHS(KTS-ĐT) ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

USB Sandisk, 8GB có chứa 04 tệp tin có phần mở rộng là ".cdr":

+ Tệp tin tên "Backup_of_Backup_of_Backup_of_ AN HAO TINH BIEN AN GIANG" được thể hiện trong 04 trang giấy A4.

+ Tệp tin tên "Backup_of_Backup_of_Backup_of_Backup_of_Backup_of _ AN BIEN AN GIANG" được thể hiện trong 04 trang giấy A4.

+ Tệp tin tên "B1_of_Backup_of _ suc khoe tam phuc" được thể hiện trong 04 trang giấy A4.

+ Tệp tin tên "Graphic1 CHUNG THUC" được thể hiện trong 01 trang giấy A4.

CPU (không rõ nhãn hiệu) không tìm thấy tệp tin được soạn thảo bởi phần mềm Corel Draw.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, các tài sản trên có giá trị vào tháng 11 năm 2022 như sau:

01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu có giá trị: 2.000.000 đồng; 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553 có giá trị: 675.000 đồng; 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON có giá trị: 75.000 đồng; 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100 có giá trị: 75.000 đồng; 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002 có giá trị: 11.750.000 đồng; 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50 có giá trị: 1.750.000 đồng; 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB có giá trị: 85.000 đồng; 01 (một) tấm bìa nhựa, kích thước A4 có giá trị: 5.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên định giá: 16.415.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu, 01 (một) màn hình, nhãn hiệu LENOVO, 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON, 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100, 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002, 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50, 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB, 01 (một) tấm bìa nhựa, kích thước A4 quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung được tạo lập trong quá trình hôn nhân của bị cáo Đ và vợ

là bà Nguyễn Thị P. Việc bị cáo Đ làm giả 02 giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho L và N, bà P không biết. Xét thấy, số tài sản trên là công cụ bị cáo Đ dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị các tài sản trên.

Đối với hành vi tải các con dấu tròn được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu SANDISK dung lượng 8GB mà Phòng K1 Công an tỉnh B đã phục hồi và trích xuất dữ liệu như trong kết luận giám định số 92 ngày 28 tháng 02 năm 2023, Đ khai nhận vào tháng 06 tháng 2021 Đ nảy sinh ý định làm giả các loại giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức cho các cá nhân có nhu cầu nên đã tải các hình dấu tròn trên mạng internet về lưu trữ trong USB hiệu SANDISK nêu trên nhưng Đ chỉ mới lưu về USB và để đó chứ chưa tiến hành làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức nào khác. Cũng tại phụ lục trích xuất dữ liệu điện tử của kết luận giám định số 92 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B trích xuất tệp tin Graphic 1 CHUNG THUC được lưu trữ trong 1 USB nêu trên, Đ khai nhận: trước đây có một nam thanh niên đến tiệm photocopy của Đ để photo hồ sơ xin việc làm, Đ nhìn thấy trong hồ sơ có 01 trang tài liệu, khổ 4A, nội dung Đăng Văn T3, chức vụ phó Chủ tịch UBND thị trấn L chứng thực cho Bùi Phước B, có chữ ký của ông T3 và hình dấu tròn có nội dung UBND THỊ TRẤN LAI UYÊN H.BÀU BÀNG T.BÌNH DƯƠNG nên đã sử dụng máy scan để quét lại trang tài liệu trên và lưu vào USB nêu trên nhằm mục đích tham khảo về mẫu chứng thực để khi có người nhờ làm giả hồ sơ xin việc làm thì Đ sẽ làm giả theo mẫu trên. Quá trình điều tra xác minh, Đ chỉ mới có hành vi tải các hình dấu tròn và lưu trữ trang tài liệu cùng hình dấu tròn về USB chứ chưa có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Do đó, không có căn cứ truy cứu bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” đối với hành vi nêu trên.

Đề nghị truy thu của bị cáo Đ số tiền 200.000 đồng là tiền thu lợi bất chính có được trong quá trình phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với đối tượng trực tiếp làm giả 02 giấy chứng minh nhân dân của La Văn N và Lê Thị L, do các bị cáo không cung cấp được họ tên địa chỉ của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác minh, có cơ sở sẽ tiến hành xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 65/CT - VKSBB ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng truy tố các bị cáo L, N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, rút một phần quyết định truy tố bị cáo L, N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ truy tố các bị cáo L, N về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Rút một phần quyết định truy tố bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 chỉ truy tố bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo L, N mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng.

Về xử lý vật chứng:

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011236, họ tên: La Văn N, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Công an tỉnh T cấp ngày: 12 tháng 4 năm 2018; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011306, họ tên: Lê Thị L, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh Công an tỉnh T cấp ngày 26 năm 5 năm 2018; 01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên La Văn N, có hình dấu tròn có nội dung “*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*”; 01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên Lê Thị L, có hình dấu tròn có nội dung “*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*” là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu; 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553; 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON; 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100; 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002; 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50; 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB; 01 (một) tấm bìa nhựa, kích thước A4 là công cụ phương tiện bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo Đ và bà P1 đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Buộc bị cáo Đ nộp số tiền 200.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận:

Vào tháng 11 năm 2021, tại nhà trọ Q tại đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo L, N đã có hành vi cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh cho người khác để đặt làm 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân giả. Vào ngày 31 tháng 10 năm 2022, các bị cáo L, N có hành vi cung cấp thông tin cá nhân cho bị cáo Đ nhằm làm giả 02 (hai) giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sử dụng các giấy tờ

giả trên trình cho Đội quản lý hành chính Công an huyện B để làm căn cứ công dân.

Vào khoảng 09 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại tiệm photocopy của Nguyễn Quốc Đ địa chỉ đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Đ có hành vi sử dụng máy vi tính, máy in màu, máy photocopy để làm giả 02 (hai) giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mang tên La Văn N, Lê Thị L.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhau, phù hợp nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo L, N phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng rút một phần quyết định truy tố các bị cáo L, N tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ truy tố các bị cáo L, N về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; rút một phần quyết định truy tố bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 chỉ truy tố bị cáo Đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017”. Như đã nhận định, hành vi của các bị cáo L, N chỉ cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Đ cấu thành tội “Làm giả, con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc rút truy tố đối với các bị cáo không làm thay đổi điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố. Vì vậy căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo như sau.

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L, N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số; bị cáo Đ là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, bị cáo L, N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành chủ trương chính sách của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Bị cáo L, N xuất phát từ nhu cầu làm việc nên nhờ bị cáo Đ làm giả giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đi làm Căn cước công dân. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011236, họ tên: La Văn N, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Công an tỉnh T cấp ngày: 12 tháng 4 năm 2018; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011306, họ tên: Lê Thị L, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh Công an tỉnh T cấp ngày: 26 năm 5 năm 2018; 01 (một) thông báo số định danh cá

nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên La Văn N, có hình dấu tròn có nội dung “*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*”; 01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên Lê Thị L, có hình dấu tròn có nội dung “*Công an .H.Tân Châu .T.Tây Ninh* Công an xã T*” là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu; 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553; 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON; 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100; 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002; 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50; 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB; 01 (một) tấm bìa nhựa, kích thước A4 là công cụ phương tiện bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo Đ và bà P1; bị cáo Đ sử dụng vào mục đích phạm tội bà P1 không biết nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của các tài sản trên.

Buộc bị cáo Đ nộp số tiền 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có.

[9] Đối với đối tượng làm giả 02 chứng minh nhân dân cho các bị cáo L, N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đang tiếp tục xác minh làm rõ khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Thị L và La Văn N.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ.

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5

năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị L và bị cáo La Văn N phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

1.1 Xử phạt bị cáo Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Xử phạt bị cáo La Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo La Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ:

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011236, họ tên: La Văn N, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Công an tỉnh T cấp ngày: 12 tháng 4 năm 2018.

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 292011306, họ tên: Lê Thị L, sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh Công an tỉnh T cấp ngày: 26 tháng 5 năm 2018.

01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên La Văn N.

01 (một) thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mang tên Lê Thị L.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị các tài sản sau: 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu (đã qua sử dụng); 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553 (đã qua sử dụng); 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON (đã qua sử dụng); 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100 (đã qua sử dụng); 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002 (đã qua sử dụng); 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50 (đã qua sử dụng); 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB (đã qua sử dụng); 01 (một) tấm bìa nhựa trong suốt, kích thước A4 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị P ½ giá trị của các tài sản sau: 01 (một) thùng CPU không nhãn hiệu (đã qua sử dụng); 01 (một) màn hình, nhãn hiệu: LENOVO, số seri: V1Y2553 (đã qua sử dụng); 01 (một) bàn phím, nhãn hiệu: BOSSTON (đã qua sử dụng); 01 (một) con chuột, nhãn hiệu: B100 (đã qua sử dụng); 01 (một) máy photocopy, nhãn hiệu: RICOH MP5002 (đã qua sử dụng); 01 (một) máy in màu, nhãn hiệu: EPSON ARTISAN50 (đã qua sử dụng); 01 (một) USB, nhãn hiệu: SANDISK, dung lượng: 8GB (đã qua sử dụng); 01 (một) tấm bìa nhựa trong suốt, kích thước A4 (đã qua sử dụng) tại thời điểm cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định của pháp luật.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng).

Bị cáo Nguyễn Quốc Đ phải nộp số tiền 200.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Thanh Tùng